

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HS-PT

Ngày: 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Bà Ngôn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2020, đối với các bị cáo Trương Thị D và đồng phạm do có kháng của các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S và bị hại Trần Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Trương Thị D (tên gọi khác: Không), sinh năm 1975; tại Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc C và bà Trần Thị L; Bị cáo có chồng là Trần Văn Ng, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2020 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Thị H (tên gọi khác: Không), sinh năm 1965; tại Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc C và bà Trần Thị L; Bị cáo có chồng là Hoàng Đình G, sinh năm 1958 và 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1990. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp

cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2020 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Lò Thị P (tên gọi khác: Không), sinh năm 2001; tại Điện Biên. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Lào; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn Ng và bà Lò Thị Ph; Bị cáo có chồng là Trần Văn C, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2020 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Hoàng Thị Hồng S (tên gọi khác: Không), sinh năm 1977; tại Hưng Yên. Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Nh (Đã chết) và bà Đào Thị A; Bị cáo có chồng là Trương Văn Q, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan Nhà nước xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án kết tội lần nào. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2020 đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho các bị cáo Trương Thị D, Hoàng Thị Hồng S, Trương Thị H, Lò Thị P: Bà Nguyễn Thị Kim N, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư N, đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Thôn C4, xã H, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

Những người có nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị E, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đội 4, xã Y, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố 20, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

Những người làm chứng:

1. Chị Trịnh Thị L, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

4. Chị Trương Thị V, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 ngày 30/11/2019, tại đồi sả của ông Nguyễn Văn P đã xảy ra tranh cãi giữa Trương Thị D với ông P và bà Trần Thị E về việc ông P cho rằng gia đình D đi qua nương sả của P làm chết một số cây sả của gia đình ông P. Sau khi vụ việc xảy ra bà E gọi điện thoại cho chị gái là bà Trần Thị B nói lại sự việc. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/11/2019, tại khu vực đường quốc lộ 12 thuộc thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên, trong khi bà B đang lời qua tiếng lại với Trương Thị D, Lò Thị P (con dâu của D), Hoàng Thị Hồng S (em dâu của D) thì có chị Trần Thị T và Trịnh Thị L (con gái của bà B) đến đứng cạnh bà B, được một lúc thì có Trương Thị H (là chị gái của D), đi đến và nói “Đứa nào đánh em tao, sao thằng đàn ông lại đánh con đàn bà”. Nghe vậy bà B lao đến chỉ tay vào H, Lò Thị P thấy vậy cũng lao vào dùng tay của mình hất tay của bà B ra, cùng lúc đó chị Trần Thị T đang đứng cạnh cũng dùng tay gạt tay P ra rồi P và T lao vào đánh nhau. Lò Thị P dùng tay trái túm tay phải của chị T kéo và dùng tay phải cào cào vào vùng mặt bên trái của T làm cho T bị rách da, chảy máu, sau đó dùng cả hai tay túm tóc T lôi kéo. Thấy P và T đánh nhau Hoàng Thị Hồng S, Trương Thị D, Trương Thị H cũng lao vào đánh chị T: S dùng tay trái túm tóc T kéo và cào vào mặt bên phải của chị T, dùng tay phải đâm vào đầu T một phát, dùng chân phải đạp vào vùng bụng dưới của T; D dùng tay phải đâm từ phía sau vào phía mạn sườn phải của T hai cái và dùng chân phải đạp vào phần đầu gối chân trái T một cái; H tháo dép nhựa màu xanh đang đi ở chân bên phải của mình đánh vào vùng đùi của T.

Khi T và P đánh nhau T đã dùng tay cào vào sau gáy, vào vai trái, vào cổ trái và vào dưới má trái, sườn trái làm P bị xây xước da chảy máu và dùng tay đâm vào vùng trán làm P bị bầm tím, sau đó dùng cả hai tay túm tóc P lôi kéo P. Bà B thấy chị T bị đánh nên đã lao vào dùng tay trái đâm một phát vào vùng miệng của H gây chảy máu mồm, một phát vào vùng đầu của H; đâm một phát vào vùng tai phải của S, dùng tay đâm hai phát vào phía sau gáy của D nhưng không để lại thương tích cho S và D. Sau đó bà B dùng tay giật tóc P, hai bên tiếp tục giằng co, xô đẩy làm cho T, P và bà B ngã xuống rãnh thoát nước bên trái lề đường (theo hướng huyện Đ đi Điện Biên), P và T vẫn dùng tay túm tóc nhau. H chạy sang bờ đất phía bên kia rãnh thoát nước dùng tay giật tóc bà B kéo về phía sau còn S cầm chân của bà B kéo và đạp một phát vào chân bên phải nhưng không để lại thương tích cho bà B. Khi mọi người vào can ngăn thì hai bên dừng lại không đánh nhau nữa. Sau khi xảy ra vụ việc đánh nhau, chị Trần Thị T bị đa chấn thương phần mềm vùng đầu, mặt, bụng, nên phải điều trị tại Trung tâm Y tế huyện D từ ngày 30/11/2019 đến ngày 05/12/2019 sức khỏe ổn định được ra viện.

Ngày 12/12/2019, chị T vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên để phẫu thuật nối dây chằng chéo đầu gối chân phải và điều trị đến ngày 20/12/2019 thì ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 04 ngày 16/01/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Điện Biên, kết luận các dấu vết thương tích của Trần Thị T như sau: 01 sẹo phần mềm ở vùng trán trái = 3%; 01 sẹo phần mềm ở vùng đuôi lông mày trái = 3%; 01 sẹo phần mềm ở vùng mi dưới mắt trái = 3%; 02 sẹo phần mềm ở vùng má trái: Sẹo 1 = Sẹo 2 = 3%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 dưới mắt trước ngoài đùi phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở mắt ngoài gối phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở mắt trong gối phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 trên mắt trước cẳng chân phải = 1%; Đứt dây chằng chéo trước gối phải đã phẫu thuật kết quả tốt = 13%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trần Thị T hiện tại là 28%.

Tại Công văn số 07/GĐTH ngày 07/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên về việc trả lời Công văn số 82/CAH-CQCSĐT ngày 07/4/2020 của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện D về việc tách phần trăm thương tích ở vùng mặt với phần trăm thương tích do đứt dây chằng chéo trước gối phải của Trần Thị T đã kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở vùng mặt cho Trần Thị T là 14%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở vùng chân phải của Trần Thị T là 16%.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 50 ngày 12/3/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Điện Biên, kết luận các dấu vết thương tích của Lò Thị P là: 8%.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 58 ngày 20/3/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Điện Biên, kết luận các dấu vết thương tích của Trương Thị H là: 3%.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S thừa nhận có dùng tay, chân và dép đánh chị T nhưng không gây nên thương tích 14% ở vùng mặt cho chị T, bị cáo Lò Thị P lúc đầu khai không đánh chị T, sau khi Hội đồng xét xử quay lại phần xét hỏi bị cáo đã khai nhận có dùng tay túm tóc và cào về phía chị T nhưng không biết có trúng và trúng vào đâu trên người chị T không. Chị T khai nhận chị bị nhiều người cụ thể những ai đánh và đánh vào đâu trên người chị, thì chị không biết vì giữa chị T và các bị cáo không quen biết nhau, khi đó chị bị P túm tóc kéo đầu xuống nên không quan sát được ai đánh mình, sau khi được cán bộ cho xem lại video thì chị mới biết mình bị ai đánh và chị đã khai sau khi đã được xem video quay lại sự việc. Những người làm chứng đều khai nhận sự việc xô xát diễn ra nhất nhanh chỉ hơn 2 phút nên không quan sát được ai đánh ai và đánh vào đâu, chỉ biết các bị cáo dùng chân, tay, dép đánh chị T, chị T dùng tay, chân đánh lại.

Bị hại Trần Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị theo quy định của pháp luật, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B đề nghị khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc chị T trong thời gian chị T nằm viện đề nghị để chị T thay bà nhận số tiền này. Trong hồ sơ có 02 tài liệu yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị T ngày 13/5/2020 và 17/7/2020 chị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị các khoản tiền sau:

1. Tiền nằm điều trị tại Trung tâm y tế huyện D: 710.000 đồng
 2. Tiền ăn 05 ngày: 50.000 đồng x 2 bữa x 5 ngày = 500.000 đồng
 3. Tiền ăn sáng 05 ngày: 25.000 đồng x 5 ngày = 125.000 đồng
 4. Tiền người trông 05 ngày x 200.000 đồng = 1.000.000 đồng
 5. Tiền mua thuốc trị sẹo: 200.000 đồng
 6. Tiền chụp chiếu tại F: 1.700.000 đồng
 7. Chi phí mổ chân phải tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên: 47.628.000 đồng
 8. Thực phẩm chức năng: 280.000 đồng
 9. Nẹp chân: 600.000 đồng
 10. Nạng: 500.000 đồng
 11. Túi đựng dịch: 500.000 đồng
 12. Đồ dùng cá nhân: 200.000 đồng
 13. Tiền ăn sáng tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên: 25.000 đồng x 9 ngày = 225.000 đồng
 14. Tiền ăn trưa và tối: 50.000 đồng x 2 bữa x 8 ngày = 800.000 đồng
 15. Tiền mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian nằm viện Đa khoa tỉnh Điện Biên: 500.000 đồng x 9 ngày = 4.500.000 đồng
 16. Tiền thuê Taxi từ bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên về nhà: 130.000 đồng
 17. Tiền thuê Taxi lên cơ quan công tác: 500.000 đồng
 18. Tiền thuê Taxi lên cơ quan Công an huyện làm việc: 500.000 đồng x 4 lượt = 2.000.000 đồng.
 19. Tiền thuê người chăm sóc sau ra viện: 200.000 đồng x 30 ngày = 6.000.000 đồng
 20. Tiền tổn thất tinh thần: 50 x 1.940.000 đồng = 97.000.000 đồng
- Tổng các khoản: 165.098.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Thị P,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Hồng S.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Xử phạt bị cáo Trương Thị D 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án

3. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hồng S 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

4. Xử phạt bị cáo Trương Thị H 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án;

5. Xử phạt bị cáo Lò Thị P 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Khoản 1 Điều 584; Điều 585; Khoản 1 Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S phải bồi thường cho chị T các khoản tiền sau:

- Tiền chụp chiếu tại phòng khám đa khoa F: 1.700.000 đồng.
- Tiền thu nhập thực tế của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là: 1.500.000 đồng.
- Thuốc trị sẹo: 200.000 đồng
- Tiền tổn thất tinh thần chị T là: 10.500.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T là: 13.900.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền là 3.475.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S kháng cáo cho rằng mình không phạm tội và đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Bị cáo Lò Thị P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Thị T kháng cáo toàn bộ bản án cho rằng: Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có tính chất côn đồ và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, không đồng ý tách phần % thương tích, không chấp nhận về phân trách nhiệm dân sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Trần Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo về việc áp dụng các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm a, d và k Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo và thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại. Yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 112.898.000 đồng.

Ngày 15/01/2021 các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S thay đổi nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người đúng tội và xin hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt cải tạo không giam giữ để có cơ hội tự cải tạo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S, Lò Thị P đã khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được tự cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đều tự nguyện mỗi bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 05 triệu đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt nhất thời phạm tội, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa bị kết án về tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Do nghề nghiệp của các bị cáo đều là làm ruộng không có thu nhập ổn định không áp dụng Khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên cho rằng: Về hình thức, đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại nằm trong hạn luật định, được coi là hợp lệ.

Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo D, H, P, S. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng người, đúng tội không oan sai. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện D nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại như quyết định của bản án sơ thẩm. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, bồi thường thiệt hại cho người bị hại, gia đình có công với cách mạng nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức và tính chất côn đồ mà do các bị cáo và bị hại xích mích nói nhau, dẫn đến đánh nhau gây thương tích và người bị hại cũng có một phần lỗi. Xét thấy tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án số 02/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên, theo hướng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S, Lò Thị P. Xử phạt mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với kháng cáo của bị hại Trần Thị T đề nghị áp dụng điểm a, d, k Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do các bị cáo phạm tội có tổ chức và có tính chất côn đồ là không có căn cứ. Về tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ vì trong vụ án có 04 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội và bị hại cũng có một phần lỗi nên không có căn để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại Trần Thị T. Về phần bồi

thường thiệt hại, cấp sơ thẩm xác định các bị cáo gây ra thương tích cho bị hại là 14%, nên buộc các bị cáo bồi thường tổng số tiền 13.900.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000 đồng cần xem xét chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Nội dung kháng cáo của bị hại không được chấp nhận nhưng do bị cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Do không đồng ý với Bản án hình sự số 02/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên.

Ngày 24/11/2020 các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S và bị hại Trần Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 15/01/2021 các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S thay đổi nội dung kháng cáo xin mức án cải tạo không giam giữ, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo về trách nhiệm dân sự.

Căn cứ theo Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại kháng cáo trong hạn luật định, nội dung thay đổi kháng cáo theo quy định nên cần chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tội danh: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/11/2019, tại đồi sả của ông Nguyễn Văn P đã xảy ra tranh cãi giữa Trương Thị D với ông P và bà Trần Thị E về việc ông P cho rằng gia đình D đi qua nương sả của P làm chết một số cây sả của gia đình ông P. Sau khi vụ việc xảy ra bà E gọi điện thoại cho chị gái là bà Trần Thị B nói lại sự việc. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/11/2019, tại khu vực đường quốc lộ 12 thuộc thôn T, xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên, trong khi bà B đang lờn qua tiếng lại với Trương Thị D, Lò Thị P (con dâu của D), Hoàng Thị Hồng S (em dâu của D) thì có chị Trần Thị T và Trịnh Thị L (con gái của bà B) đến đứng cạnh bà B, được một lúc thì có Trương Thị H (là chị gái của D), đi đến và nói “Đứa nào đánh em tao, sao thằng đàn ông lại đánh con đàn bà”. Nghe vậy bà B lao đến chỉ tay vào H, Lò Thị P thấy vậy cũng lao vào dùng tay của mình hất tay của bà B ra, cùng lúc đó chị Trần Thị T đang đứng cạnh cũng dùng tay gạt tay P ra rồi P và T lao vào đánh nhau. Lò Thị P dùng tay trái túm tay phải của chị T kéo và dùng tay phải cào cào vào vùng mặt bên trái của T làm cho T bị rách da, chảy máu, sau đó dùng cả hai tay túm tóc T lôi kéo. Thấy P và T đánh nhau Hoàng Thị Hồng S, Trương Thị D, Trương Thị H cũng lao vào đánh chị T: S dùng tay trái túm tóc T kéo và cào vào mặt bên phải của chị T, dùng tay phải đâm vào đầu T một phát, dùng chân phải đạp vào vùng bụng dưới của T; D dùng tay phải đâm từ phía sau vào phía mạn sườn phải của T hai cái và dùng chân phải đạp

vào phần đầu gối chân trái T một cái; H tháo dép nhựa màu xanh đang đi ở chân bên phải của mình đánh vào vùng người của T.

Khi T và P đánh nhau T đã dùng tay cào vào sau gáy, vào vai trái, vào cổ trái và vào dưới má trái, sườn trái làm P bị xây xước da chảy máu và dùng tay đấm vào vùng trán làm P bị bầm tím, sau đó dùng cả hai tay túm tóc P lôi kéo P (giám định P là 8%). Bà B thấy chị T bị đánh nên đã lao vào dùng tay trái đấm một phát vào vùng miệng của H gây chảy máu mồm, một phát vào vùng đầu của H (giám định H là 3%); đấm một phát vào vùng tai phải của S, dùng tay đấm hai phát vào phía sau gáy của D nhưng không để lại thương tích cho S và D. Sau đó bà B dùng tay giật tóc P, hai bên tiếp tục giằng co, xô đẩy làm cho T, P và bà B ngã xuống rãnh thoát nước bên trái lề đường (theo hướng huyện Điện Biên Đông đi Điện Biên), P và T vẫn dùng tay túm tóc nhau. H chạy sang bờ đất phía bên kia rãnh thoát nước dùng tay giật tóc bà B kéo về phía sau còn S cầm chân của bà B kéo và đập một phát vào chân bên phải nhưng không để lại thương tích cho bà B. Khi mọi người vào can ngăn thì hai bên dừng lại không đánh nhau nữa. Sau khi xảy ra vụ việc đánh nhau, chị Trần Thị T bị đa chấn thương phần mềm vùng đầu, mặt, bụng, nên phải điều trị tại Trung tâm Y tế huyện D từ ngày 30/11/2019 đến ngày 05/12/2019 sức khỏe ổn định được ra viện. Ngày 12/12/2019, chị T vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên để phẫu thuật nối dây chằng chéo đầu gối chân phải và điều trị đến ngày 20/12/2019 thì ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 04 ngày 16/01/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Điện Biên, kết luận các dấu vết thương tích của Trần Thị T như sau: 01 sẹo phần mềm ở vùng trán trái = 3%; 01 sẹo phần mềm ở vùng đuôi lông mày trái = 3%; 01 sẹo phần mềm ở vùng mi dưới mắt trái = 3%; 02 sẹo phần mềm ở vùng má trái: Sẹo 1 = Sẹo 2 = 3%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 dưới mắt trước ngoài đùi phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở mặt ngoài gối phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở mặt trong gối phải = 1%; 01 sẹo phần mềm ở 1/3 trên mặt trước cẳng chân phải = 1%; Đứt dây chằng chéo trước gối phải đã phẫu thuật kết quả tốt = 13%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trần Thị T hiện tại là 28%.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có khiếu nại gì về tội danh. Do vậy về tội danh Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S là có căn cứ các bị cáo không bị oan sai.

Về hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Khoản 1 Điều 134; Điểm i Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 134; điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Thị P.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 134; điểm i Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Hồng S.

Xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn, hối cải và đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 05 triệu đồng. Các bị cáo đều nhất thời phạm tội, trước khi phạm tội các bị cáo và bị hại đều không có thù oán gì. Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm các bị cáo có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia và thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có tổ chức và sự cấu kết chặt chẽ, hành vi phạm tội chỉ là mẩu thuẫn cá nhân, bột phát và chính bị hại cũng tham gia vào việc gây thương tích cho người khác, tuy nhiên thương tích của bị hại gây ra cho người khác chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm không đặt vấn đề xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Do vậy, đơn kháng cáo của các bị cáo và đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên thời hạn cải tạo không giam giữ cũng cần xem xét quyết định cho phù hợp với vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nghề nghiệp của các bị cáo đều là làm ruộng thu nhập không ổn định và không có nguồn thu nhập nào khác. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị hại Trần Thị T đề nghị áp dụng điểm a, d, k Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự vì cho rằng do các bị cáo phạm tội có tổ chức và có tính chất côn đồ và phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về tội danh và điều luật mà tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo như đã phân tích ở mục [2] là có căn cứ vì trong vụ án có bốn bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, nhất thời phạm tội và bị hại cũng có một phần lỗi nên không có căn để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị hại Trần Thị T.

Do vậy không có căn để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại Trần Thị T.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 112.898.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Do xác định các bị cáo đã gây ra thương tích cho bị hại là 14% nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại bao gồm:

- Tiền chụp chiếu tại phòng khám đa khoa F: 1.700.000 đồng
- Tiền thu nhập thực tế của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là: 1.500.000 đồng.
- Thuốc trị sẹo: 200.000 đồng.
- Tiền tổn thất tinh thần chị T là: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng cộng các khoản tiền các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T là 13.900.000 đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền là: 3.475.000 đồng là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là (112.898.000đồng - 13.900.000đồng) = 98.998.000đồng.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp cho bị hại mỗi bị cáo số tiền 05 triệu đồng. Hội đồng xét xử xét thấy rằng việc tự nguyện đó của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên xem xét chấp nhận. Do vậy, cần buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 33.900.000đồng. Chia theo kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền là 8.475.000đồng. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự tăng mức bồi thường cho bị hại.

[5]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện D; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện D trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người này đều đảm bảo tính hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại Trần Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị B cho rằng trong vụ án này cơ quan điều tra cấp sơ thẩm còn bỏ lọt một người phụ nữ mặc áo hồng đã tham gia cố ý gây thương tích cho bị cáo. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không đủ căn cứ xác định người này có tham gia gây thương tích cho bị cáo do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung khiếu nại này của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị B.

[6]. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị;

[7]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12, điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo

Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Trần Thị T.

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355, điểm đ Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 13/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Điện Biên như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 134; điểm b, điểm i, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với cả ba bị cáo Lò Thị P, Trương Thị D, Trương Thị H.

1.1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1.2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lò Thị P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt bị cáo Trương Thị D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.
- Xử phạt bị cáo Trương Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Hồng S.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hồng S 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ của các bị cáo Lò Thị P, Trương Thị D, Trương Thị H, Hoàng Thị Hồng S được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian các bị cáo chấp hành án.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 468; Khoản 1 Điều 584; Điều 585; Khoản 1 Điều 586; Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S phải bồi thường cho chị T các khoản tiền sau:

- Tiền chụp chiếu tại phòng khám đa khoa F: 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Tiền thu nhập thực tế của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị là: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Thuốc trị sẹo: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Tiền tổn thất tinh thần chị T là: 10.500.000 đồng.

Tổng cộng là 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường tiếp của mỗi bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S cho bị hại Trần Thị T số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tổng cộng các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị T là: 33.900.000 đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền là: 8.475.000 đồng (Tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu các bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản phải bồi thường cho chị T thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 điều 12, điểm h Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trương Thị D, Trương Thị H, Lò Thị P, Hoàng Thị Hồng S, bị hại Trần Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/01/2021).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện D;
- Viện kiểm sát tỉnh Điện Biên;
- Công an huyện D;
- Chỉ cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Nhà tạm giữ Công an huyện D;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N, huyện D, tỉnh Điện Biên;
- Hồ sơ Thị Hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Trọng Đoàn**